BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2016/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016*

THÔNG TƯ

Quy định việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là Biểu cam kết dịch vụ với WTO) không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

2. Thông tư này áp dụng đối với người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (bao gồm nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật), người sử dụng lao động nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Hiện diện thương mại

Hiện diện thương mại quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết

thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2016/NĐ-CP) bao gồm các hình thức:

a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

c) Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Điều 3. Căn cứ xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết dịch vụ với WTO không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Căn cứ xác định người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết dịch vụ với WTO không thuộc diện cấp giấy phép lao động quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP bao gồm:

a) Doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam hoạt động thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ quy định tại Phụ lục I Thông tư này;

c) Người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng ít nhất 12 tháng trước khi được cử sang Việt Nam làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Căn cứ xác định người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết dịch vụ với WTO không thuộc diện cấp giấy phép lao động quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP bao gồm:

a) Doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam hoạt động thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ quy định tại Phụ lục II Thông tư này;

c) Người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng ít nhất 12 tháng trước khi được cử sang Việt Nam làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 4. Xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết dịch vụ với WTO

1. Giấy tờ để chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP bao gồm:

a) Văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người lao động sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam có nêu vị trí công việc, chức danh công việc và thời gian làm việc;

b) Văn bản chứng minh người lao động nước ngoài là chuyên gia thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH);

c) Văn bản chứng minh người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH;

d) Văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng ít nhất 12 tháng trước khi được cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH;

đ) Văn bản chứng minh hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam hoạt động trong phạm vi mười một ngành dịch vụ quy định tại các Phụ lục của Thông tư này là một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện; Giấy phép thành lập Chi nhánh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

2. Việc xác nhận người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết dịch vụ với WTO không thuộc diện cấp giấy phép lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2016/NĐ-CP và Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 41/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định căn cứ, thủ tục xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công Thương (Vụ Kế hoạch) để được kịp thời hướng dẫn, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC MƯỜI MỘT NGÀNH DỊCH VỤ
TRONG BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ VỀ DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM VỚI WTO
ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀ
NHÀ QUẢN LÝ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CHUYÊN GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BCT
ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương)

I. CHÚ GIẢI

Tại Phụ lục này, các ký hiệu (*) và (**) được sử dụng để nhấn mạnh rằng phân ngành dịch vụ mang ký hiệu (*) hay (**) là cấu phần của một ngành dịch vụ nào đó.

1. Dịch vụ mang ký hiệu (*) được coi là cấu phần của *một ngành dịch vụ có phạm vi hoặc nội hàm rộng hơn nhưng chưa xác định được mã CPC cụ thể*. Ví dụ: dịch vụ tổ chức hội nghị (convention services) có mã phân loại là 87909* được coi là cấu phần của một ngành dịch vụ nào đó được phân loại trong Bảng phân loại sản phẩm trung tâm và ngành này có phạm vi hoặc nội hàm rộng hơn dịch vụ tổ chức hội nghị.

2. Dịch vụ mang ký hiệu (**) được coi là cấu phần của *một ngành dịch vụ có phạm vi hoặc nội hàm rộng hơn nhưng có mã CPC rõ ràng. Mã này không mang ký hiệu (**)*. Ví dụ, dịch vụ thư thoại có mã là CPC 7523** tức là dịch vụ thư thoại là cấu phần của dịch vụ truyền tải dữ liệu và tin nhắn (có mã CPC 7523).

II. DANH MỤC MƯỜI MỘT NGÀNH DỊCH VỤ

1. CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH

A. Dịch vụ chuyên môn

a) Dịch vụ pháp lý (CPC 861 không bao gồm: tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam; Dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam).

b) Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862).

c) Dịch vụ thuế (CPC 863).

d) Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671).

đ) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672).

e) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673).

g) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674).

B. Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan (CPC 841 - 845, CPC 849)

C. Dịch vụ nghiên cứu và phát triển

Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên (CPC 851).

D. Dịch vụ cho thuê không kèm người điều khiển

Dịch vụ cho thuê máy bay (CPC 83104).

Đ. Các dịch vụ kinh doanh khác

a) Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá).

b) Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ 86402).

c) Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865).

d) Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý (CPC 866, trừ CPC 86602 và Dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân (CPC 86602**)).

đ) Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải).

e) Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp (CPC 881).

g) Dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ (CPC 883) không bao gồm các hoạt động sau: cung ứng vật tư, thiết bị và hóa phẩm, dịch vụ căn cứ, dịch vụ tàu thuyền, dịch vụ sinh hoạt, đời sống và dịch vụ bay.

h) Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884 và 885).

i) Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật (chỉ đối với CPC 86751, 86752 và 86753).

k) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633).

2. CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN

A. Các dịch vụ chuyển phát (CPC 7512)**

* Dịch vụ chuyển phát nhanh tức là dịch vụ gồm thu gom, chia chọn, vận chuyển và phát trong nước hoặc quốc tế:

a) Thông tin dưới dạng văn bản, thể hiện trên bất kỳ hình thức vật lý nào, bao gồm cả: dịch vụ có lai ghép (hybrid mail service); thông tin quảng cáo trực tiếp (direct mail).

Trừ việc xử lý các vật gửi là thông tin dưới dạng văn bản có giá cước dịch vụ thấp hơn: 10 lần giá cước của một bức thư tiêu chuẩn gửi trong nước ở nấc khối lượng đầu tiên; 9 đô la Mỹ (USD) khi gửi quốc tế với điều kiện tổng khối lượng của các vật phẩm này không quá 2000 gam.

b) Kiện và các hàng hóa khác

* Xử lý các vật phẩm không ghi địa chỉ người nhận (non - addressed items)

B. Dịch vụ viễn thông

<u>Các dịch vụ viễn thông cơ bản</u>

a) Các dịch vụ thoại (CPC 7521).

b) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch gói (CPC 7523**).

c) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch kênh (CPC 7523**).

d) Dịch vụ telex (CPC 7523**).

đ) Dịch vụ Telegraph (CPC 7523**).

e) Dịch vụ Facsimile (CPC 7521** + 7529**).

g) Dịch vụ thuê kênh riêng (CPC 7522** + 7523**).

h*) Các dịch vụ khác:

- Dịch vụ hội nghị truyền hình (CPC 75292);
- Dịch vụ truyền dẫn tín hiệu video trừ truyền quảng bá.
- Các dịch vụ thông tin vô tuyến, bao gồm:
  + Dịch vụ thoại di động (gồm di động mặt đất và vệ tinh);
  + Dịch vụ số liệu di động (gồm di động mặt đất và vệ tinh);
  + Dịch vụ nhắn tin;
  + Dịch vụ PCS;
  + Dịch vụ trung kế vô tuyến;
- Dịch vụ kết nối Internet (IXP).
- Dịch vụ mạng riêng ảo (VPN).

Các dịch vụ giá trị gia tăng

a) Thư điện tử (CPC 7523**).

b) Thư thoại (CPC 7523**).

c) Thông tin trực tuyến và truy cập lấy thông tin từ cơ sở dữ liệu (CPC 7523**).

d) Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) CPC (7523**).

đ) Các dịch vụ fascimile gia tăng giá trị, bao gồm lưu trữ và chuyển, lưu trữ và khôi phục (CPC 7523**).

e) Chuyển đổi mã và giao thức.

g) Thông tin trực tuyến và xử lý dữ liệu (bao gồm xử lý giao dịch) (CPC 843**).

h) Dịch vụ khác

Dịch vụ truy nhập Internet IAS

C. Dịch vụ nghe nhìn

a) Dịch vụ sản xuất phim (CPC 96112, trừ băng hình).

b) Dịch vụ phát hành phim (CPC 96113, trừ băng hình).

c) Dịch vụ chiếu phim (CPC 96121).

d) Dịch vụ ghi âm.

3. DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT LIÊN QUAN

A. Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512)

B. Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)

C. Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516)

D. Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517)

Đ. Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518)

4. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

A. Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, 61111, 6113, 6121)

B. Dịch vụ bán buôn (CPC 622, 61111, 6113, 6121)

C. Dịch vụ bán lẻ (CPC 631+632, 61112, 6113, 6121)

D. Dịch vụ nhượng quyền thương mại (CPC 8929)

5. DỊCH VỤ GIÁO DỤC

A. Dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở (CPC 922)

B. Giáo dục bậc cao (CPC 923)

C. Giáo dục cho người lớn (CPC 924)

D. Các dịch vụ giáo dục khác (CPC 929 bao gồm đào tạo ngoại ngữ)

6. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

A. Dịch vụ xử lý nước thải (CPC 9401)

B. Dịch vụ xử lý rác thải (CPC 9402)

C. Dịch vụ khác

- Dịch vụ làm sạch khí thải (CPC 94040) và dịch vụ xử lý tiếng ồn (CPC 94050);

- Dịch vụ đánh giá tác động môi trường (CPC 94090*).

7. DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

A. Bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

a) Bảo hiểm gốc:

- Bảo hiểm nhân thọ, trừ bảo hiểm y tế;

- Bảo hiểm phi nhân thọ.

b) Tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm.

c) Trung gian bảo hiểm (như môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm).

d) Dịch vụ hỗ trợ bảo hiểm (như tư vấn, dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường).

B. Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác

a) Nhận tiền gửi và các khoản phải trả khác từ công chúng.

b) Cho vay dưới tất cả hình thức, bao gồm tín dụng tiêu dùng, tín dụng cầm cố thế chấp, bao thanh toán và tài trợ giao dịch thương mại.

c) Thuê mua tài chính.

d) Mọi dịch vụ thanh toán và chuyển tiền, bao gồm thẻ tín dụng, thẻ thanh toán và thẻ nợ, séc du lịch và hối phiếu ngân hàng.

đ) Bảo lãnh và cam kết.

e) Kinh doanh trên tài khoản của mình hoặc của khách hàng, tại sở giao dịch, trên thị trường giao dịch thỏa thuận hoặc bằng cách khác như dưới đây:

- Công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm séc, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi);

- Ngoại hối;

- Các công cụ tỷ giá và lãi suất, bao gồm các sản phẩm như hợp đồng hoán đổi, hợp đồng kỳ hạn;

- Vàng khối.

g) Môi giới tiền tệ.

h) Quản lý tài sản, như quản lý tiền mặt hoặc danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tín thác.

i) Các dịch vụ thanh toán và bù trừ tài sản tài chính, bao gồm chứng khoán, các sản phẩm phái sinh và các công cụ chuyển nhượng khác.

k) Cung cấp và chuyển thông tin tài chính và xử lý dữ liệu tài chính cũng như các phần mềm liên quan của các nhà cung cấp các dịch vụ tài chính khác.

l) Các dịch vụ tư vấn, trung gian môi giới và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác đối với tất cả các hoạt động được nêu từ các tiểu mục a) đến k), kể cả tham chiếu và phân tích tín dụng, nghiên cứu và tư vấn đầu tư và danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại và về tái cơ cấu và chiến lược doanh nghiệp.

C. Chứng khoán

a) Giao dịch cho tài khoản của mình hoặc tài khoản của khách hàng tại sở giao dịch chứng khoán, thị trường giao dịch trực tiếp (OTC) hay các thị trường khác những sản phẩm sau:

- Các công cụ phái sinh, bao gồm cả hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền lựa chọn;

- Các chứng khoán có thể chuyển nhượng;

- Các công cụ có thể chuyển nhượng khác và các tài sản tài chính, trừ vàng khối.

b) Tham gia vào các đợt phát hành mọi loại chứng khoán, bao gồm bảo lãnh phát hành, và làm đại lý bán (chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng), cung cấp các dịch vụ liên quan đến các đợt phát hành đó.

c) Quản lý tài sản như quản lý danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tín thác.

d) Các dịch vụ thanh toán và thanh toán bù trừ chứng khoán, các công cụ phái sinh và các sản phẩm liên quan đến chứng khoán khác.

đ) Cung cấp và chuyển thông tin tài chính, các phần mềm liên quan của các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán.

e) Tư vấn, trung gian và các dịch vụ phụ trợ liên quan đến chứng khoán, ngoại trừ các hoạt động tại tiểu mục (a), bao gồm tư vấn và nghiên cứu đầu tư, danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại công ty, lập chiến lược và cơ cấu lại công ty (Đối với các dịch vụ khác tại tiểu mục (e), tham chiếu tiểu mục (e) trong phần cam kết về dịch vụ ngân hàng).

8. DỊCH VỤ Y TẾ VÀ XÃ HỘI

A. Dịch vụ bệnh viện (CPC 9311)

B. Các dịch vụ nha khoa và khám bệnh (CPC 9312)

9. DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN

A. Khách sạn và nhà hàng bao gồm:

- Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn (CPC 64110).

- Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643).

B. Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch (CPC 7471)

10. DỊCH VỤ GIẢI TRÍ, VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

A. Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống và xiếc) (CPC 9619)

B. Dịch vụ khác

Kinh doanh trò chơi điện tử (CPC 964**).

11. DỊCH VỤ VẬN TẢI

A. Dịch vụ vận tải biển

a) Dịch vụ vận tải hành khách, trừ vận tải nội địa (CPC 7211).

b) Dịch vụ vận tải hàng hóa, trừ vận tải nội địa (CPC 7212).

c) Các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển

- Dịch vụ xếp dỡ công - ten - nơ (CPC 7411);

- Dịch vụ thông quan;

- Dịch vụ kho bãi công - ten - nơ.

B. Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa

a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7221).

b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7222).

C. Dịch vụ vận tải hàng không

a) Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không.

b) Dịch vụ đặt, giữ chỗ bằng máy tính.

c) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa máy bay (CPC 8868**).

D. Dịch vụ vận tải đường sắt

a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7111).

b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7112).

Đ. Dịch vụ vận tải đường bộ

a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7121+7122).

b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7123).

E. Dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải

a) Dịch vụ xếp dỡ công - ten - nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411).

b) Dịch vụ kho bãi (CPC 742).

c) Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748).

d) Các dịch vụ khác (một phần của CPC 749)./.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC MƯỜI MỘT NGÀNH DỊCH VỤ
TRONG BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ VỀ DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM VỚI WTO
ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀ
NHÀ QUẢN LÝ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CHUYÊN GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BCT
ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương)

I. CHÚ GIẢI

Tại Phụ lục này, các ký hiệu (*) và (**) được sử dụng để nhấn mạnh rằng phân ngành dịch vụ mang ký hiệu (*) hay (**) là cấu phần của một ngành dịch vụ nào đó.

1. Dịch vụ mang ký hiệu (*) được coi là cấu phần của *một ngành dịch vụ có phạm vi hoặc nội hàm rộng hơn nhưng chưa xác định được mã CPC cụ thể*. Ví dụ: dịch vụ tổ chức hội nghị (convention services) có mã phân loại là 87909* được coi là cấu phần của một ngành dịch vụ nào đó được phân loại trong Bảng phân loại sản phẩm trung tâm và ngành này có phạm vi hoặc nội hàm rộng hơn dịch vụ tổ chức hội nghị.

2. Dịch vụ mang ký hiệu (**) được coi là cấu phần của *một ngành dịch vụ có phạm vi hoặc nội hàm rộng hơn nhưng có mã CPC rõ ràng. Mã này không mang ký hiệu (**)*. Ví dụ, dịch vụ thư thoại có mã là CPC 7523** tức là dịch vụ thư thoại là cấu phần của dịch vụ truyền tải dữ liệu và tin nhắn (có mã CPC 7523).

II. DANH MỤC MƯỜI MỘT NGÀNH DỊCH VỤ

1. CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH

A. Dịch vụ chuyên môn

a) Dịch vụ pháp lý (CPC 861 không bao gồm: tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam; Dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam)

b) Dịch vụ thuế (CPC 863)

c) Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671)

d) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672)

đ) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673)

e) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674)

B. Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan (CPC 841 - 845, CPC 849)

C. Dịch vụ nghiên cứu và phát triển

Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên (CPC 851)

D. Dịch vụ cho thuê không kèm người điều khiển

Đ. Các dịch vụ kinh doanh khác

a) Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý (CPC 866, trừ CPC 86602 và Dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân (CPC 86602**))

b) Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật (chỉ đối với CPC 86751, 86752 và 86753)

2. CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN

A. Dịch vụ viễn thông

Các dịch vụ viễn thông cơ bản

a) Dịch vụ telex (CPC 7523**)

b) Dịch vụ Telegraph (CPC 7523**)

c) Dịch vụ Facsimile (CPC 7521** + 7529**)

Các dịch vụ giá trị gia tăng

d) Các dịch vụ fascimile gia tăng giá trị, bao gồm lưu trữ và chuyển, lưu trữ và khôi phục (CPC 7523**)

đ) Dịch vụ khác

B. Dịch vụ nghe nhìn

a) Dịch vụ chiếu phim (CPC 96121)

b) Dịch vụ ghi âm

3. DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÓ LIÊN QUAN

Công tác lắp dựng (CPC 514)

4. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Dịch vụ nhượng quyền thương mại (CPC 8929)

5. DỊCH VỤ GIÁO DỤC

Giáo dục bậc cao (CPC 923)

6. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

Dịch vụ đánh giá tác động môi trường (CPC 94090*)

7. DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Bảo hiểm phi nhân thọ

8. DỊCH VỤ Y TẾ VÀ XÃ HỘI

Các dịch vụ nha khoa và khám bệnh (CPC 9312)

9. DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch (CPC 7471)

10. DỊCH VỤ GIẢI TRÍ, VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

A. Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống và xiếc) (CPC 9619)

B. Dịch vụ khác

Kinh doanh trò chơi điện tử (CPC 964**)

11. DỊCH VỤ VẬN TẢI

Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không./.